

**SỐ 3
2025**

**Bản tin
chuyên đề**

ISG

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRONG SỐ NÀY:

Thị trường các-bon và một số đề xuất phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam

I. GIỚI THIỆU VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

1. KHÁI NIỆM VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON:

Thuật ngữ thị trường các-bon bắt nguồn từ Nghị định định thư Kyoto 1977 của Công ước Khung Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu. Theo Điều 17 Nghị định thư Kyoto 1997 thì thị trường carbon được hiểu là các quốc gia có dư thừa quyền phát thải được bán cho hoặc mua từ các quốc gia phát thải nhiều hơn hoặc ít hơn mục tiêu đã cam kết. Từ đó, trên thế giới xuất hiện một loại hàng hóa mới được tạo ra dưới dạng chứng chỉ giảm/hấp thụ phát thải khí nhà kính. Do carbon (CO₂) là khí nhà kính quy đổi tương đương của mọi khí nhà kính nên các giao dịch được gọi chung là mua bán, trao đổi carbon,

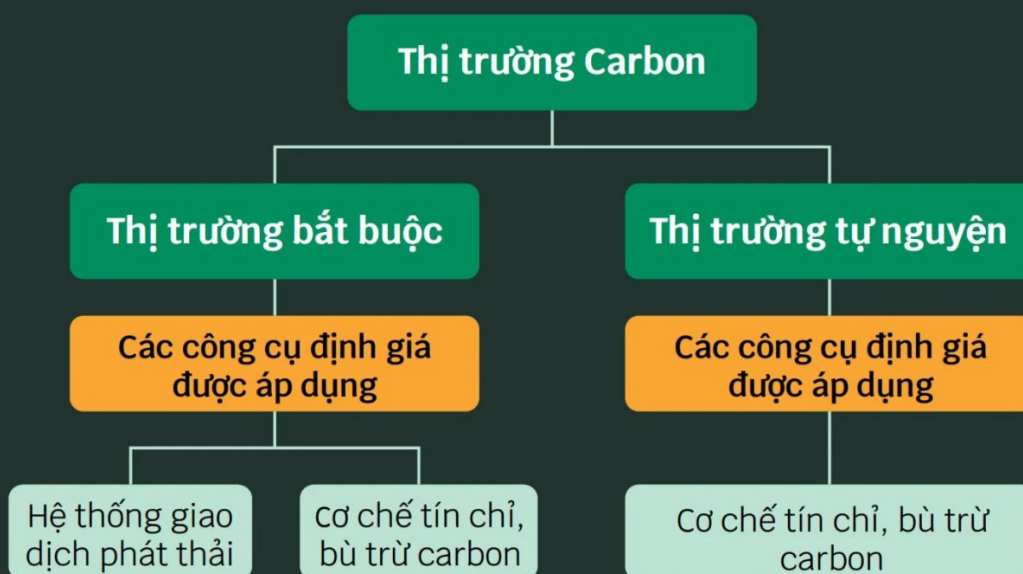
hình thành nên thị trường carbon hay thị trường tín chỉ carbon.

Tại Việt Nam, khái niệm về thị trường Các-bon được đề cập trong Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020 về tổ chức và phát triển thị trường các-bon như sau: “Thị trường các-bon trong nước gồm các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon thu được từ cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

2. PHÂN LOẠI VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON:

Thị trường Các-bon đang trở thành một công cụ kinh tế quan trọng trong việc giảm phát thải khí nhà kính, hướng

tới phát triển bền vững và thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu. Có 2 loại thị trường Các-bon như sau:



3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CAM KẾT QUỐC TẾ

Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực tham gia các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu. Việc phê chuẩn Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC), Nghị định thư Kyoto và Thỏa thuận Paris đã khẳng định vai trò quan trọng của Việt Nam trong cuộc chiến toàn cầu nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

Việt Nam đã đệ trình Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC) cho Ban thư ký UNFCCC vào năm 2015 và cập nhật NDC vào năm 2020 và năm 2022. Theo NDC 2020, bằng các nguồn lực trong nước, Việt Nam sẽ giảm 9% tổng lượng phát thải KNK vào năm 2030 so với Kịch bản phát triển thông thường. Mức đóng góp này có thể tăng lên 27% nếu có hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương và đa phương và thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris.

Việt Nam đã đệ trình bản NDC cập nhật lần hai lên Ban thư ký UNFCCC vào ngày 8/11/2022. Đến năm 2030,

Việt Nam sẽ giảm 15,8% lượng phát thải, trước đó là 9% trong NDC năm 2020. Với hỗ trợ quốc tế, Việt Nam sẽ giảm phát thải thêm 27,7% hoặc giảm tổng cộng 43,5% vào năm 2030 so với kịch bản phát triển thông thường.

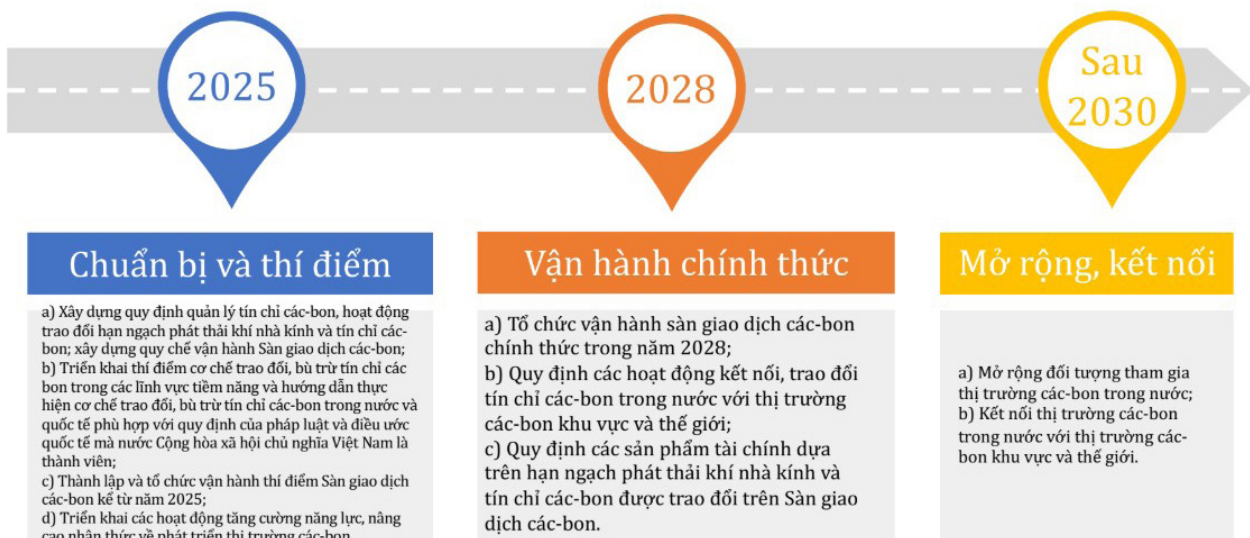
Tại Hội nghị COP26 năm 2021, Việt Nam tuyên bố phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, khẳng định Việt Nam có thể đạt được mục tiêu này nhờ các lợi thế như tiềm năng năng lượng tái tạo, tuy nhiên cũng rất cần hỗ trợ từ nguồn tài chính quốc tế và chuyển giao công nghệ.

Nền tảng pháp lý quan trọng cho việc hình thành thị trường Các-bon tại Việt Nam là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn do Chính phủ ban hành.



Các nhà lãnh đạo của các nước trên thế giới tham gia COP27

3. LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON TẠI VIỆT NAM



Nguồn: Bộ Tài nguyên Môi trường (2024)

4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 06/2022/NĐ-CP cũng quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong xây dựng thị trường Các-bon Việt Nam.

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon;
- Hướng dẫn đấu giá, chuyển giao, vay mượn và nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính;
- Quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới;
- Quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon;
- Xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.
- Bộ TNMT chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý lĩnh vực liên quan tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải KNK

cho các cơ sở cho giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch nộp đơn theo mẫu (kèm theo Nghị định) về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

b) Bộ Tài chính

- Chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon;
- Ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính thực hiện các hoạt động liên quan đến tổ chức và phát triển thị trường các-bon;
- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.



Hội thảo xây dựng và phát triển thị trường Các-bon động lực để phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam

5. GIAO DỊCH VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

Việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được thực hiện trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon, thị trường các-bon trong nước theo quy định. Cụ thể:

- Các cơ sở có thể đấu giá để sở hữu thêm hạn ngạch phát thải khí nhà kính ngoài lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ trong cùng 01 giai đoạn

cam kết;

- Các cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết trong năm trước sang các năm tiếp theo trong cùng 01 giai đoạn cam kết;
- Các cơ sở có thể vay hạn ngạch phát thải khí nhà kính

được phân bổ cho năm tiếp theo để sử dụng trong năm trước đó trong cùng 01 giai đoạn cam kết

- Các cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ các dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon để bù cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ trong 01 giai đoạn cam kết (Không quá 10% tổng số hạn ngạch KNK được phân bổ)

- Hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã phân bổ sẽ tự động được Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi khi các cơ sở dừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản;

- Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia;

- Vào cuối mỗi giai đoạn cam kết, các cơ sở phải nộp tiền thanh toán cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá số hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ sau khi áp dụng các hình thức đấu giá, chuyển giao, vay mượn, sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ. Ngoài việc phải nộp tiền thanh toán, lượng phát thải khí nhà kính vượt quá lượng hạn ngạch được phân bổ sẽ được trừ vào hạn ngạch phân bổ cho giai đoạn cam kết sau đó.

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA THỊ TRƯỜNG CÁC-BON TRONG NƯỚC BAO GỒM:

- Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK, định kỳ 02 năm cập nhật.

- Tổ chức tham gia thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ

tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.

6. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON VIỆT NAM

Và kinh nghiệm tham gia các dự án quốc tế. Với 42% diện tích cả nước là rừng Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển thị trường tín chỉ các-bon nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú với tổng diện tích khoảng 14,79 triệu ha, có khả năng hấp thụ 70 triệu tấn CO₂ mỗi năm, và các mô hình nông nghiệp giảm phát thải, Việt Nam có thể tạo ra khoảng 40 triệu tín chỉ các-bon/năm, tương đương giá trị 200 triệu USD. Các dự án quốc tế như Chương trình

triển Sạch (CDM), Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA) với Quỹ Đối tác Các-bon trong Lâm nghiệp (FCPF), chương trình REDD+ đã mang lại kinh nghiệm quý giá và nguồn thu hàng chục triệu USD. Chính phủ cũng thể hiện sự cam kết mạnh mẽ qua việc xây dựng khung pháp lý, lộ trình triển khai sản giao dịch tín chỉ, và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cùng cộng đồng địa phương. Đây là cơ hội lớn để Việt Nam hội nhập vào xu hướng tăng trưởng xanh và hưởng lợi từ nhu cầu tín chỉ các-bon toàn cầu ngày càng tăng.



Hội thảo về phát triển thị trường Các-bon

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức cần khắc phục. Khung pháp lý hiện tại còn thiếu đồng bộ, chưa có hệ thống đo lường và kiểm kê hoàn chỉnh. Việc phân định rõ quyền sở hữu và chuyển nhượng tín chỉ các-bon vẫn chưa rõ ràng, gây khó khăn trong giao dịch nội địa và quốc tế. Ngoài ra, hạn chế về công nghệ trong phát triển thị trường Các bon, đặc biệt trong lĩnh

vực thu giữ và lưu trữ các-bon (CCS), cũng là khái niệm mới mẻ, chi phí lớn nguồn lực kỹ thuật cao khiến thị trường các-bon giảm sức cạnh tranh. Để phát triển thị trường tín chỉ các-bon bền vững, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách pháp lý, đầu tư vào công nghệ và xây dựng hệ thống kết nối chặt chẽ giữa thị trường nội địa và quốc tế.



Rừng Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển thị trường tín chỉ các-bon

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON TẠI VIỆT NAM

Việc phát triển thị trường Các-bon tại Việt Nam không chỉ là một chiến lược nhằm đáp ứng các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu mà còn mở ra cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh và bền vững.

1. HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỂ VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

Một khung pháp lý vững chắc là nền tảng cho sự phát triển bền vững của thị trường Các-bon. Tại Việt Nam, khung pháp lý này cần phải rõ ràng, toàn diện và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

- Ban hành quy định về vận hành thị trường Các-bon: Việt Nam cần ban hành quy định riêng về thị trường Các-bon, trong đó quy định chi tiết về các khía cạnh như quyền sở hữu tín chỉ Các-bon, cơ chế giao dịch, giới hạn phát thải, và phương pháp phân bổ hạn ngạch. Quy định này cần tích hợp chặt chẽ với các chính sách liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Ví dụ, các quy định của luật cần đảm bảo rằng mỗi tín chỉ Các-bon đều có giá trị pháp lý rõ ràng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch và chuyển nhượng tín chỉ.

- Hoàn thiện quy định về hạn ngạch và quyền phát thải: Chính phủ cần quy định rõ ràng về cách thức cấp phép và quản lý hạn ngạch phát thải. Các hạn ngạch này có thể được phân bổ dựa trên mức phát thải lịch sử của từng doanh nghiệp hoặc đấu giá một phần để khuyến khích các doanh nghiệp giảm phát thải một cách chủ động. Quyền phát thải nên được xem như một tài sản có giá trị, được phép giao dịch trên thị trường.

- Tích hợp tiêu chuẩn quốc tế vào hệ thống trong nước: Việt Nam cần học hỏi từ các quốc gia như Hàn Quốc và New Zealand trong việc tích hợp các tiêu chuẩn quốc tế như REDD+, CDM, hoặc VCS vào hệ thống nội địa. Điều này không chỉ đảm bảo tính minh bạch và tin cậy của thị trường mà còn mở ra cơ hội kết nối với các thị trường Các-bon quốc tế, nâng cao giá trị tín chỉ Các-bon Việt Nam.

2. TRIỂN KHAI HỆ THỐNG GIAO DỊCH PHÁT THẢI (ETS)

Hệ thống Giao dịch Phát thải (ETS) là một cơ chế kinh tế quan trọng trong nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính. ETS hoạt động dựa trên nguyên tắc “cap-and-trade,” trong đó chính phủ đặt ra giới hạn phát thải (cap) và cho phép các doanh nghiệp giao dịch hạn ngạch phát thải (trade) trong phạm vi giới hạn này. Việc triển khai ETS tại Việt Nam không chỉ giúp kiểm soát hiệu quả lượng phát thải mà còn tạo động lực kinh tế để doanh nghiệp chuyển đổi sang các công nghệ sạch, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trong các thị trường Các-bon khu vực và quốc tế.

Trong giai đoạn thử nghiệm và mở rộng phạm vi ETS, để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, ETS nên được triển khai theo lộ trình từng bước. Trong giai đoạn đầu (2024-2025), hệ thống có thể được áp dụng thử nghiệm tại một số ngành công nghiệp lớn, bao gồm năng lượng, xi măng và thép, vì đây là những ngành phát thải cao nhất. Việc thử nghiệm ETS tại các ngành này không chỉ giúp kiểm tra khả năng vận hành của hệ thống mà còn tạo cơ hội thu thập dữ liệu thực tế để điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế chính sách.

Sau giai đoạn thử nghiệm, từ năm 2026-2027, ETS có thể được mở rộng phạm vi áp dụng sang các ngành công nghiệp khác như hóa chất, dệt may và chế biến thực phẩm. Việc mở rộng này cần dựa trên đánh giá tác động từ giai đoạn thử nghiệm, đồng thời đảm bảo sự chuẩn bị đầy đủ của các doanh nghiệp tham gia.

- Cơ chế phân bổ hạn ngạch phát thải: Việc phân bổ hạn ngạch phát thải cần được thực hiện một cách minh bạch và công bằng. Trong giai đoạn đầu, có thể áp dụng phương pháp phân bổ miễn phí hạn ngạch

cho các ngành công nghiệp dễ bị tổn thương bởi cạnh tranh quốc tế, nhằm giảm bớt áp lực tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch, cơ chế đấu giá hạn ngạch nên được áp dụng dần dần. Phương pháp này không chỉ tạo động lực giảm phát thải mà còn mang lại nguồn thu cho chính phủ, giúp đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo và cải thiện môi trường.

- Phát triển sàn giao dịch tín chỉ Các-bon: Một sàn giao dịch tín chỉ Các-bon hiện đại và minh bạch là yếu tố then chốt để ETS hoạt động hiệu quả. Việt Nam cần xây dựng một sàn giao dịch với hạ tầng công nghệ tiên tiến, sử dụng blockchain để quản lý và ghi nhận các giao dịch nhằm đảm bảo tính minh bạch và không thể chỉnh sửa. Sàn giao dịch cũng nên cung cấp các công cụ phân tích và dự báo giá tín chỉ Các-bon để hỗ trợ các doanh nghiệp đưa ra quyết định giao dịch thông minh.

Ngoài ra, cần thiết lập một cơ chế giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng mọi giao dịch trên sàn đều tuân thủ các quy định pháp lý và không gây ra bất kỳ hành vi gian lận nào. Việc xây dựng và vận hành sàn giao dịch này nên được thực hiện bởi một tổ chức độc lập, có đủ năng lực và kinh nghiệm trong quản lý thị trường tài chính.

- Tăng cường năng lực giám sát và quản lý ETS: Một hệ thống ETS hiệu quả đòi hỏi năng lực quản lý và giám sát mạnh mẽ từ phía cơ quan nhà nước. Chính phủ cần thiết lập một cơ quan chuyên trách để giám sát hoạt động của ETS, từ việc phân bổ hạn ngạch, quản lý dữ liệu phát thải, đến kiểm tra và xử phạt các



Chứng carbon cho phép chủ sở hữu được quyền thải ra khí CO₂

hành vi vi phạm. Cơ quan này cũng cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế để cập nhật và áp dụng các thông lệ tốt nhất trong quản lý ETS.

Đồng thời, cần đầu tư vào đào tạo nhân sự cho cả cơ quan quản lý và các doanh nghiệp tham gia. Các chương trình đào tạo nên tập trung vào các khía cạnh kỹ thuật như đo lường phát thải, báo cáo, và giao dịch tín chỉ Các-bon, nhằm đảm bảo rằng mọi bên liên quan đều hiểu rõ và tuân thủ các yêu cầu của hệ thống.

- Kết nối ETS với các thị trường quốc tế: Việc kết nối ETS của Việt Nam với các thị trường Các-bon quốc tế sẽ mở ra nhiều cơ hội giao dịch và tăng giá trị cho tín chỉ Các-bon của Việt Nam. Chính phủ cần làm việc với các tổ chức quốc tế như World Bank, UNDP, và các đối tác song phương để đảm bảo rằng ETS của Việt Nam tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp hệ thống này vào các thị trường Các-bon lớn như EU ETS hoặc hệ thống của Trung Quốc.

- Đánh giá tác động và điều chỉnh chính sách: Việc triển khai ETS không phải là một quy trình tĩnh, mà cần được điều chỉnh liên tục dựa trên các đánh giá thực tế.

Chính phủ nên thực hiện các đánh giá định kỳ về hiệu quả của ETS, bao gồm mức độ giảm phát thải, tác động kinh tế, và sự tham gia của doanh nghiệp. Dựa trên các kết quả này, các chính sách và cơ chế vận hành ETS cần được điều chỉnh để đảm bảo rằng hệ thống luôn đáp ứng được mục tiêu giảm phát thải một cách hiệu quả nhất.

Một sàn giao dịch tín chỉ Các-bon hiện đại và minh bạch là yếu tố then chốt để ETS hoạt động hiệu quả. Việt Nam cần xây dựng một sàn giao dịch với hạ tầng công nghệ tiên tiến, sử dụng blockchain để quản lý và ghi nhận các giao dịch nhằm đảm bảo tính minh bạch và không thể chỉnh sửa. Sàn giao dịch cũng nên cung cấp các công cụ phân tích và dự báo giá tín chỉ Các-bon để hỗ trợ các doanh nghiệp đưa ra quyết định giao dịch thông minh.

Ngoài ra, cần thiết lập một cơ chế giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng mọi giao dịch trên sàn đều tuân thủ các quy định pháp lý và không gây ra bất kỳ hành vi gian lận nào. Việc xây dựng và vận hành sàn giao dịch này nên được thực hiện bởi một tổ chức độc lập, có đủ năng lực và kinh nghiệm trong quản lý thị trường tài chính.

3. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG, BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH (MRV)

Hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm định (MRV) là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính minh bạch, đáng tin cậy và hiệu quả của thị trường Các-bon. Việc phát triển một hệ thống MRV đồng bộ và hiện đại sẽ giúp quản lý lượng phát thải khí nhà kính một cách chính xác, từ đó nâng cao tính minh bạch trong giao dịch tín chỉ Các-bon.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải khí nhà kính: Chính phủ cần thành lập một cơ sở dữ liệu tập trung về lượng phát thải khí nhà kính trên toàn quốc. Cơ sở dữ liệu này cần được thiết kế để lưu trữ và quản lý tất cả thông tin liên quan đến phát thải của các doanh nghiệp, ngành công nghiệp và các dự án giảm phát thải.

Dữ liệu phát thải cần được thu thập theo chuẩn quốc tế và cập nhật thường xuyên để đảm bảo tính chính xác. Ví dụ, các doanh nghiệp lớn có thể được yêu cầu gửi báo cáo phát thải hàng quý hoặc hàng năm. Các cơ quan quản lý sẽ giám sát và kiểm tra dữ liệu này, đồng thời công khai các thông tin tổng quan để tăng tính minh bạch.

- Thiết lập quy trình báo cáo và thẩm định: Việt Nam cần áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14064 để đảm bảo quy trình báo cáo và thẩm định được thực hiện một cách nhất quán và minh bạch. Các doanh nghiệp phải thực hiện các báo cáo định kỳ về lượng phát thải khí nhà kính, kết quả giảm phát thải và các tín chỉ Các-bon đã giao dịch. Để đảm bảo tính đáng tin cậy, các báo cáo này cần được thẩm định bởi các tổ chức độc lập hoặc cơ quan nhà nước được ủy quyền. Quy trình thẩm định cần được thực hiện theo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời cung cấp một cơ chế phản hồi để các doanh nghiệp có thể cải thiện.

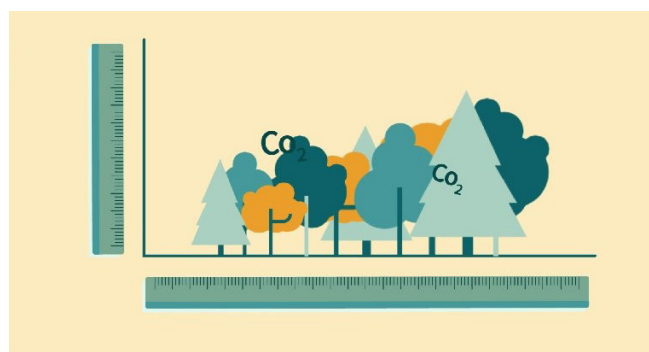
- Ứng dụng công nghệ hiện đại vào hệ thống MRV:

Công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và blockchain có thể được ứng

dụng để cải thiện khả năng đo lường, báo cáo và giám sát lượng phát thải. Ví dụ, các cảm biến IoT có thể được lắp đặt tại các nhà máy để giám sát phát thải theo thời gian thực. AI có thể phân tích dữ liệu để phát hiện các bất thường hoặc hành vi gian lận. Blockchain có thể được sử dụng để ghi lại tất cả các giao dịch tín chỉ Các-bon, từ đó đảm bảo rằng mọi thông tin đều được công khai và không thể chỉnh sửa.

- Đào tạo và phát triển nhân lực vận hành hệ thống

MRV: Chính phủ cần đầu tư vào việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để vận hành hệ thống MRV một cách hiệu quả. Các khóa đào tạo về đo lường, báo cáo và thẩm định cần được tổ chức thường xuyên cho các cán bộ quản lý nhà nước và nhân viên doanh nghiệp. Hơn nữa, cần khuyến khích sự tham gia của các tổ chức quốc tế để cung cấp kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn.



Nguồn World Bank

4. KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP THAM GIA THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

Việc tham gia vào thị trường Các-bon có thể gây áp lực tài chính và kỹ thuật đối với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, việc hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi là một yếu tố then chốt để đảm bảo thành công của thị trường Các-bon tại Việt Nam.

- Hỗ trợ tài chính: Chính phủ cần cung cấp các gói hỗ trợ tài chính dưới dạng khoản vay ưu đãi, giảm thuế hoặc trợ cấp trực tiếp để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh và các giải pháp giảm phát thải.

Ví dụ, các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời hoặc điện gió có thể được nhận hỗ trợ tài chính từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Quốc gia. Ngoài ra, các doanh nghiệp tham gia tích cực vào thị trường Các-bon có thể được giảm thuế hoặc nhận các ưu đãi khác để giảm bớt gánh nặng tài chính.

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và năng lực cho doanh nghiệp: Chính phủ cần tổ chức các hội thảo, khóa học và

chương trình đào tạo để nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về lợi ích của thị trường Các-bon và các yêu cầu kỹ thuật liên quan.

Những chương trình này có thể bao gồm hướng dẫn về cách đo lường và báo cáo phát thải, cách giao dịch tín chỉ Các-bon, và cách sử dụng hiệu quả các công cụ tài chính để giảm phát thải. Việc phổ biến kiến thức và kỹ năng này sẽ giúp doanh nghiệp tận dụng tốt hơn các cơ hội từ thị trường Các-bon.

- Hỗ trợ đặc biệt cho các doanh nghiệp thuộc các ngành thâm dụng năng lượng: Trong giai đoạn đầu của thị trường Các-bon, các ngành công nghiệp thâm dụng năng lượng như thép, xi măng và hóa chất có thể được hỗ trợ thông qua việc phân bổ miễn phí một phần hạn ngạch phát thải. Điều này giúp giảm bớt áp lực tài chính trong ngắn hạn và khuyến khích các ngành này tham gia tích cực vào thị trường.

5. TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI VỚI THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Thị trường carbon tự nguyện toàn cầu được dự báo có thể đạt quy mô 50 tỷ USD

Việc kết nối với các thị trường Các-bon quốc tế không chỉ giúp Việt Nam tận dụng nguồn tài chính toàn cầu mà còn nâng cao giá trị tín chỉ Các-bon của mình.

- Tham gia các cơ chế quốc tế: Việt Nam cần tích cực tham gia vào các cơ chế toàn cầu như REDD+, CORSIA và CDM để nhận được sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế.

Ví dụ, các dự án bảo tồn rừng tại Việt Nam có thể được chứng nhận theo REDD+ và giao dịch tín chỉ Các-bon trên thị trường quốc tế. Điều này không chỉ tạo nguồn thu cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng mà còn nâng cao uy tín của Việt Nam trên thị trường Các-bon toàn cầu.

- Phát triển thị trường Các-bon tự nguyện: Ngoài thị trường bắt buộc, Việt Nam cũng cần khai thác tiềm năng

từ thị trường Các-bon tự nguyện. Các dự án như trồng rừng, cải thiện hiệu quả năng lượng, hoặc phát triển nông nghiệp bền vững có thể được chứng nhận tín chỉ Các-bon và giao dịch trên thị trường quốc tế.

Chính phủ cần xây dựng các tiêu chuẩn riêng cho các dự án tự nguyện, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận và tham gia các sàn giao dịch quốc tế.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế: Chính phủ nên tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như World Bank, UNDP, và các tổ chức tài chính khí hậu để nhận được sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật. Các tổ chức này có thể cung cấp kinh phí, kiến thức chuyên môn, và các công cụ để giúp Việt Nam xây dựng và vận hành thị trường Các-bon hiệu quả.